

**UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **518** /SNNPTNT-CCTS

Kiên Giang, ngày **13** tháng 4 năm 2022

V/v đăng tải hồ sơ đề nghị xây dựng
Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
trên Cổng thông tin điện tử tỉnh.

Kính gửi:

- Ban biên tập Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Quốc Anh tại Công văn số 1921/VP-KT ngày 18/3/2022 của Văn phòng UBND tỉnh về việc chấp thuận cho Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu cho UBND tỉnh lập hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ phí thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (Nghị quyết).

Sở Nông nghiệp và PTNT đã chuẩn bị hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết gồm:

1. Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết;
2. Dự thảo báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết;
3. Dự thảo báo cáo đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách;
4. Đề cương chi tiết dự thảo Nghị quyết.

Theo quy định về trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị Ban biên tập Cổng thông tin điện tử tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp đăng tải toàn bộ hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trên Cổng thông tin điện tử tỉnh để lấy ý kiến rộng rãi các đối tượng chịu tác động của chính sách.

Rất mong nhận được sự phối hợp, hỗ trợ của quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc Sở (b/c);
- Chi cục Thủy sản;
- Lưu: VT, tlap.



Quảng Trọng Thao

Số: /TTr-UBND

Kiên Giang, ngày tháng 4 năm 2022

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Đề nghị xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
quy định chính sách hỗ trợ phí thuê bao dịch vụ vệ tinh
giám sát hành trình tàu cá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định quy định chính sách hỗ trợ phí thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá (VMS) trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, nội dung cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Sự cần thiết

Theo quy định của Luật Thủy sản năm 2017 và Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ ban hành Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản (Nghị định 26/2019/NĐ-CP) thì tất cả các tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 m trở lên phải lắp đặt thiết bị VMS trước ngày 01/4/2020, đây là điều kiện để được cấp giấy phép khai thác thủy sản cho tàu cá. Việc lắp đặt thiết bị VMS không chỉ đáp ứng quy định của Luật Thủy sản năm 2017 mà còn phục vụ nhu cầu quản lý tàu cá của chủ tàu; hỗ trợ công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; công tác quản lý tàu cá của các cơ quan quản lý thủy sản các cấp từ Trung ương đến địa phương. Ngoài ra, việc lắp đặt thiết bị giám sát hành trình đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên là một trong những giải pháp quan trọng trong việc chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (khai thác IUU), nhằm đáp ứng điều kiện sớm gỡ “Thẻ vàng” của Ủy ban Châu Âu (EC) đối với sản phẩm hải sản khai thác của Việt Nam.

Tính đến ngày 07/3/2022, công tác triển khai lắp đặt thiết bị giám sát hành trình tàu cá của tỉnh đã đạt được kết quả đáng khích lệ, với số lượng tàu cá lắp đặt thiết bị giám sát hành trình là 3.669/3.964 (đạt 92,6%). Thông qua hệ thống giám sát tàu cá, trong 02 năm 2020-2021 có hơn 26.222 lượt tàu (2.735 tàu cá) mất kết nối trên biển và 4.944 lượt tàu (1.937 tàu cá) mất kết nối trong bờ.

Trong tổng số tàu cá mất kết nối có đến 30-40% nguyên nhân là chủ tàu không đóng phí hoặc chưa kịp thời đóng phí thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá (đơn vị cung cấp VMS ngắt kết nối thiết bị với hệ thống giám sát tàu cá).

Theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 44 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản quy định việc lắp đặt, bảo dưỡng và duy trì dịch vụ thiết bị giám sát hành trình do chủ tàu chịu trách nhiệm chi trả. Tuy nhiên, trước tình hình kinh tế khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và hiệu quả khai thác thủy sản giảm dần, nên việc mua sắm, lắp đặt thiết bị và đóng phí thuê bao dịch vụ giám sát hành trình tàu cá làm tăng kinh phí vượt khơi, bám biển của phần lớn ngư dân (chi phí mua sắm thiết bị dao động từ 19.000.000đ đến 28.000.000đ, phí thuê bao giám sát hành trình tàu cá mỗi thiết bị từ 3.000.000đ/năm đến 4.750.000đ/tàu/năm (trung bình khoảng 3.875.000 đồng/tàu/năm)).

Hiện nay, nhiều địa phương ven biển trong nước (11 tỉnh, thành phố) đã ban hành và thực hiện chính sách hỗ trợ ngư dân về thiết bị VMS như: Thành phố Đà Nẵng hỗ trợ 100% kinh phí mua thiết bị VMS và kinh phí thuê bao năm đầu tiên tính từ thời điểm kết nối; Hải phòng hỗ trợ 50 kinh phí mua thiết bị VMS và 03 năm cước phí thuê bao hàng tháng (nhưng không quá 3.000.000 đồng/tàu/năm); Bình Định, Nam Định hỗ trợ 50% chi phí mua sắm, lắp đặt thiết bị VMS; tỉnh Hà Tĩnh, Thái Bình hỗ trợ 70% chi phí mua sắm, lắp đặt thiết bị VMS; tỉnh Nghệ An hỗ trợ 50% chi phí mua sắm, lắp đặt thiết bị VMS và 50% phí thuê bao hàng tháng; tỉnh Phú Yên hỗ trợ phí thuê bao 30 tháng; Bến Tre hỗ trợ cước thuê bao 200.000 đồng/tháng/tàu trong 02 năm; Cà Mau hỗ trợ 100% cước thuê bao hàng hàng tháng, trong 05 năm liên tục (2022-2026). Hình thức văn bản là Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Trước tình hình trên, nhằm kịp thời hỗ trợ cho ngư dân vượt qua khó khăn trong điều kiện giá xăng dầu tăng nhanh, sản phẩm hải sản Việt Nam đang bị EC cảnh báo “thẻ vàng” và thế giới đang đối mặt với dịch bệnh COVID-19..., tạo thêm niềm tin, động lực cho ngư dân yên tâm bám biển sản xuất để phát triển kinh tế và góp phần bảo vệ an ninh, chủ quyền biển đảo; đồng thời tăng cường hiệu quả quản lý tàu cá của các cơ quan chức năng trong việc kiểm soát, giám sát tàu cá hoạt động trên biển, góp phần hạn chế và đi đến chấm dứt tình trạng khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định, sớm tháo gỡ “Thẻ vàng” của Ủy ban Châu Âu. Vì vậy, việc ban hành ***Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định quy định chính sách hỗ trợ phí thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang*** là rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

2. Cơ sở pháp lý

Việc đề nghị xây dựng ***Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định quy định chính sách hỗ trợ phí thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình***

tàu cá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang căn cứ các quy định pháp lý sau đây:

- Khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh: “*ban hành nghị quyết để quy định biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương*”;

- Điểm c khoản 1 Điều 6 Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 quy định Nhà nước có chính sách đầu tư cho các hoạt động “*Xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát hoạt động của tàu cá trên biển; ...*”;

- Điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 quy định thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh “*Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.*”;

- Khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước có quy định thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh “*Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ. Riêng những chế độ chi có tính chất tiền lương, tiền công, phụ cấp, trước khi quyết định phải có ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực trực tiếp*”.

- Công văn số 1871/BNN-TCTS ngày 13/3/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời kiến nghị của địa phương về việc hướng dẫn ngư dân lắp đặt thiết bị VMS trên tàu cá đã có ý kiến: “*đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ven biển xem xét kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ vào điều kiện thực tế của địa phương có chính sách hỗ trợ ngư dân cho phù hợp để lắp đặt thiết bị thiết bị giám sát hành trình tàu cá và chi phí liên quan*”.

Như vậy, việc xây dựng **Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định quy định chính sách hỗ trợ phí thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang** là thật sự cần thiết, xuất phát từ yêu cầu thực tiễn và thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

II. MỤC ĐÍCH QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Đảm bảo thực thi tốt các quy định của Luật Thủy sản năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thủy sản; nâng cao hiệu lực hiệu quả công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực thủy sản, hướng đến phát triển kinh tế thủy sản bền vững, góp phần ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Các nội dung chính sách ban hành phù hợp với thực tiễn phát triển sản xuất thủy sản của tỉnh và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Cơ chế, chính sách phải bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch, không chồng chéo và mang tính khả thi cao.

- Đảm bảo nguồn lực để thực hiện chính sách trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ kinh phí phí thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Đối tượng áp dụng

- Các chủ tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên có lắp đặt thiết bị giám sát hành trình, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Kiên Giang.

- Các cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng quản lý nhà nước có liên quan đến lắp đặt, quản lý, sử dụng thiết bị giám sát hành trình.

- Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá được Tổng cục Thủy sản thông báo công khai và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

1. Mục tiêu của chính sách

- Hỗ trợ kịp thời cho chủ tàu cá, đảm bảo việc tiếp cận nguồn kinh phí hỗ trợ thuận lợi nhất, nhằm chia sẻ sự quan tâm của Nhà nước, tạo thêm niềm tin, động lực cho ngư dân yên tâm bám biển sản xuất.

- Hạn chế được tình trạng tàu cá mất kết nối do không đóng phí; đảm bảo việc trao đổi thông tin giữa chủ tàu với các cơ quan chức năng được thường xuyên, liên tục; giúp các cơ quan quản lý giám sát chặt chẽ tàu cá hoạt động; hỗ trợ tích cực cho công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn trên biển.

- Tăng cường năng lực quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực khai thác thủy sản trên các vùng biển; nâng cao hiệu quả công tác chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định, góp phần hạn chế và đi đến chấm dứt tình trạng tàu cá khai thác bất hợp pháp, không báo

cáo và không theo quy định, đặc biệt là tình trạng tàu cá của tỉnh xâm nhập, khai thác trái phép trên vùng biển nước ngoài, sớm tháo gỡ “Thẻ vàng” của Ủy ban Châu Âu.

2. Nội dung của chính sách

- Hỗ trợ 100% phí thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá (không bao gồm các chi phí phát sinh khác) theo hợp đồng ký kết giữa chủ tàu và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ giám sát hành trình tàu cá.
- Kinh phí hỗ trợ: Từ nguồn ngân sách tỉnh.
- Thời gian hỗ trợ: từ 03 đến 05 năm từ khi Nghị quyết có hiệu lực.

3. Giải pháp thực hiện chính sách

- Trên cơ sở đánh giá tác động của chính sách và căn cứ vào chỉ tiêu hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản vùng khơi do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao tại Quyết định số 1481/QĐ-BNN-TCTS ngày 02/5/2019 về việc giao hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản vùng khơi cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 1223/QĐ-BNN-TCTS ngày 23/3/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), trong đó hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản vùng khơi của tỉnh Kiên Giang là 3.993 giấy phép (tàu).

- Phí thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá mỗi thiết bị trung bình khoảng 3.875.000 đồng/tàu/năm.

Như vậy hàng năm ngân sách tỉnh hỗ trợ khoảng: $3.993 \text{ tàu} \times 3.875.000 \text{ đồng} = 15.472.875 \text{ đồng/năm}$.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN KHI NGHỊ QUYẾT ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn kinh phí thực hiện

- Tổng số lượng tàu cá được hỗ trợ: 3.993 tàu cá có chiều dài từ 15 mét trở lên (theo hạn ngạch giấy phép được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao cho tỉnh Kiên Giang).

- Nhu cầu kinh phí hỗ trợ hàng năm: $3.993 \text{ tàu cá} \times 3.875.000 \text{ đồng} = 15.472.875 \text{ đồng/năm}$ (03 năm khoảng 46.418.625 đồng).

- Kinh phí thực hiện: từ nguồn ngân sách tỉnh.

2. Nguồn nhân lực, điều kiện thực hiện Nghị quyết

Khi triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ phí thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá trên địa bàn tỉnh, các nhiệm vụ có liên quan không phải là nhiệm vụ thường xuyên, vì vậy các cơ quan thực hiện không cần bố trí cán bộ, công chức chuyên trách mà chỉ phân công kiêm nhiệm. Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ giao nhiệm vụ cụ thể việc triển khai thực hiện Nghị quyết, trong đó:

- UBND tỉnh chủ trì chỉ đạo và kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật. Hàng năm tổng hợp báo cáo tình hình và kết quả thực hiện hỗ trợ cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh: giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan tổ chức thực hiện chính sách; chỉ đạo các đơn vị chuyên môn trực thuộc bố trí cán bộ, công chức kiêm nhiệm có năng lực, trình độ phù hợp để hướng dẫn, tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ của chủ tàu cá theo đúng quy định.

- Các chủ tàu cá trực tiếp thực hiện thủ tục hồ sơ đề nghị hỗ trợ gửi các cơ quan chức năng theo quy định để được xem xét, giải quyết.

- Các sở: Tài chính, Tư pháp, Thông tin & Truyền thông; BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh và UBND các cấp có liên quan sử dụng bộ máy, nhân lực hiện có để triển khai thực hiện Nghị quyết theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

Thời gian dự kiến trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết: Tại kỳ họp gần nhất trong năm 2022.

Trên đây là đề nghị xây dựng *Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định quy định chính sách hỗ trợ phí thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang*, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Sở: NN&PTNT, TC, TP, TTTT;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, tvhung.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2022/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày tháng 4 năm 2022

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ phí thuê bao dịch vụ vệ tinh
giám sát hành trình tàu cá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG KHÓA, KỲ HỌP THỨ....

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phí thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ phí thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Tổ chức, cá nhân có tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên, đăng ký tại tỉnh Kiên Giang, có lắp đặt thiết bị giám sát hành trình theo quy định (gọi chung là chủ tàu).

b) Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ giám sát hành trình tàu cá được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận (gọi chung là đơn vị cung cấp dịch vụ).

c) Các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Việc hỗ trợ phí thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá được thực hiện thông qua đơn vị cung cấp dịch vụ, dựa trên hợp đồng đã ký kết giữa đơn vị cung cấp dịch vụ với chủ tàu, đảm bảo thỏa mãn các điều kiện hỗ trợ theo quy định.

2. Một chủ tàu có nhiều tàu cá đủ điều kiện hỗ trợ thì vẫn được hỗ trợ.

3. Đảm bảo kịp thời, công khai, minh bạch, công bằng và đúng quy định.

Điều 3. Nội dung, hình thức và thời gian hỗ trợ

1. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ hàng năm 100% phí thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá (không bao gồm các dịch vụ phát sinh khác), theo hợp đồng ký kết giữa đơn vị cung cấp dịch vụ và chủ tàu (tính từ ngày thiết bị giám sát hành trình được lắp trên tàu cá, được kích hoạt và có tín hiệu kết nối với hệ thống giám sát tàu cá).

2. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ từng quý/6 tháng/12 tháng thông qua đơn vị cung cấp dịch vụ.

3. Thời gian hỗ trợ: từ 03 đến 05 năm.

Điều 4. Điều kiện hỗ trợ

Chủ tàu được hưởng chính sách hỗ trợ phải đáp ứng đồng thời các điều kiện:

1. Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên đăng ký tại Kiên Giang, có đầy đủ các loại giấy tờ (còn hiệu lực) như sau:

a) Giấy phép khai thác thủy sản;

b) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá;

c) Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

2. Trên tàu có lắp thiết bị giám sát hành trình tàu cá, được niêm phong kẹp chì đúng quy định; được kích hoạt và có tín hiệu kết nối với hệ thống giám sát tàu cá.

3. Thiết bị giám sát hành trình lắp trên tàu cá phải duy trì tín hiệu kết nối liên tục 24/24 giờ theo đúng quy định tại điểm g, khoản 3 Điều 44 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

4. Trong quý/6 tháng/12 tháng, chủ tàu/tàu cá vi phạm các trường hợp sau thì không được hỗ trợ (chủ tàu tự chi trả phí thuê bao dịch vụ vệ tinh giám

sát hành trình tàu cá cho đơn vị cung cấp dịch vụ), trừ trường hợp bất khả kháng.

- a) Bị cảnh báo tàu cá vượt ranh giới cho phép trên biển;
- b) Bị cảnh báo không ghi nhận được báo cáo vị trí của tàu cá;
- c) Vị trí tàu (tín hiệu thiết bị giám sát hành trình) trong bờ từ 60 ngày trở lên hoặc ở 01 vị trí trên biển từ 30 ngày trở lên.

5. Trường hợp không được hỗ trợ và phải hoàn trả 100% kinh phí đã được hỗ trợ.

a) Trường hợp cơ quan chức năng phát hiện chủ tàu không lắp thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá được hỗ trợ (trong thời gian nhận hỗ trợ), mà đã bán, gửi, cho thuê, cho mượn thiết bị giám sát hành trình.

b) Đã bán tàu cá ra ngoài tỉnh Kiên Giang.

Điều 5. Nguồn kinh phí hỗ trợ

Từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong dự toán kinh phí hàng năm của đơn vị.

Điều 6. Hồ sơ, trình tự, thủ tục được hưởng chính sách hỗ trợ

1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

a) Văn bản đề nghị chi trả phí thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá của đơn vị cung cấp dịch vụ theo mẫu tại phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

b) Hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mua bán/cung cấp dịch vụ giám sát hành trình tàu cá đã ký kết giữa đơn vị cung cấp dịch vụ và chủ tàu; kèm theo hóa đơn, chứng từ chi trả chi phí vệ tinh giám sát hành trình tàu cá.

2. Trình tự thực hiện

a) Hàng quý, các đơn vị cung cấp dịch vụ lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo khoản 1 Điều này gửi trực tiếp tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng (email) nếu có.

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan hoàn thành việc thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định chi trả kinh phí thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá cho chủ tàu (thông qua đơn vị cung cấp dịch vụ); đồng thời có văn bản trả lời đơn vị cung cấp dịch vụ các trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có Biên bản thẩm định của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh ban hành Quyết

định phê duyệt danh sách hỗ trợ phí thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá cho các tổ chức, cá nhân.

d) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt danh sách hỗ trợ phí thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Chi cục Thủy sản lập thủ tục chi trả cho các đơn vị cung cấp dịch vụ theo quy định.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Khóa ... Kỳ họp thứ thông qua ngày.... tháng năm 2022 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ban Công tác Đại biểu Quốc hội;
- Thường trực HĐND, UBND,
Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phụ lục**MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**

(Kèm theo Nghị Quyết số/2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Tên cơ quan, đơn vị**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày tháng năm 2022

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Kiên Giang

Căn cứ Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của
HĐND tỉnh Kiên Giang quy định quy định chính sách hỗ trợ phí thuê bao dịch vụ
vệ tinh giám sát hành trình tàu cá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ hợp đồng cung cấp dịch vụ số ngày tháng năm của
..... với ông/bà.....

Chúng tôi gồm:

- Tên đầy đủ của doanh nghiệp:.....
- Địa chỉ: Điện thoại:
- Số tài khoản tại Ngân hàng.....
- Người đại diện trước pháp luật:.....

Đề nghị Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Kiên Giang chi trả cho
doanh nghiệp chúng tôi tiền hỗ trợ phí thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình
tàu cá số KG-.....TS, KG-.....TS....., do ông/bà..... đứng tên chủ
sở hữu (có danh sách kèm theo).

Tổng số tiền đề nghị hỗ trợ:.....đồng.

(Bằng chữ:)

Tôi xin cam đoan những nội dung trong văn bản này và danh sách tàu cá kèm
theo là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(Chủ tịch/Tổng Giám đốc/Giám đốc

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Số: /BC- UBND

Kiên Giang, ngày tháng 4 năm 2022

DỰ THẢO

BÁO CÁO

**Đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng
Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định quy định chính sách
hỗ trợ phí thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, Ủy ban nhân dân xây dựng báo cáo đánh giá tác động của chính sách hỗ trợ trợ phí thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá (VMS) trên địa bàn tỉnh Kiên Giang như sau:

I. XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Khi Ủy ban Châu Âu (EC) đã chính thức rút “Thẻ vàng” cảnh báo đối với các mặt hàng thủy sản khai thác của Việt Nam xuất khẩu vào thị trường Châu Âu và đưa ra các khuyến nghị về chống khai thác hải sản bất hợp pháp (trong đó có việc tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài) vào ngày 23/10/2017, điều này khiến cho chi phí các doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu vào thị trường Châu Âu tăng cao và uy tín giảm sút với khách hàng do tất cả các lô hàng xuất khẩu vào thị trường này đều phải được giữ lại để kiểm tra toàn bộ. Trong thời gian tới, nếu Việt Nam không khắc phục được các cảnh báo thì EC sẽ tiến hành áp dụng “Thẻ đỏ”, nghĩa là các mặt hàng thủy sản của Việt Nam bị cấm nhập khẩu vào thị trường Châu Âu và bị đưa vào danh sách theo dõi của các thị trường lớn trên thế giới.

Từ áp lực cảnh báo thẻ vàng của EC đối với sản phẩm thủy sản khai thác của Việt Nam xuất khẩu vào thị trường Châu Âu, Chính phủ đã ban hành chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 13/12/2017 về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách, để khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định, trong đó bắt buộc đối với tàu cá có chiều dài từ 15m trở lên phải lắp đặt thiết bị giám sát hành trình tàu cá là giải pháp quan trọng để kiểm soát, giám sát phương tiện hoạt động trên biển nhằm giảm thiểu, chấm dứt tình trạng tàu cá tỉnh nhà khai thác vi phạm vùng biển nước ngoài.

Cùng với nỗ lực của cả hệ thống chính trị, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đã thực hiện rất nhiều biện pháp trong công tác khắc phục các cảnh báo thẻ vàng của EC. Trong những tháng cuối năm 2018, tỉnh đã tiên phong triển khai thử nghiệm thiết bị giám sát hành trình tàu cá của một số đơn vị cung cấp;

xây dựng hệ thống giám sát tàu cá và triển khai lắp thiết bị giám sát hành trình cho tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên (trước khi Luật Thủy sản năm 2017 có hiệu lực thi hành), nhằm mục đích giúp cơ quan Nhà nước và chủ tàu quản lý được hành trình đánh bắt thủy sản của từng tàu cá, xác định được vị trí, tốc độ của từng tàu cá hoạt động trên biển; Cảnh báo cho các đơn vị chức năng, chủ tàu, thuyền trưởng vị trí đánh bắt của tàu, tình trạng sắp vượt hoặc vượt ranh giới cho phép trên biển để kịp thời điều hành, hỗ trợ, cảnh báo thuyền trưởng quay về vùng biển hoạt động khai thác đúng quy định, làm cơ sở để xử phạt vi phạm hành chính. Đồng thời, hành trình đánh bắt của từng tàu cá được lưu trên hệ thống giám sát, kết hợp với nhật ký đánh bắt điện tử là căn cứ để xác thực nguồn gốc, sản lượng đánh bắt thủy sản, hỗ trợ cho ngư dân, các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản chứng thực được sản phẩm đánh bắt của mình. Chủ tàu có thể chủ động xem được lịch sử hành trình đánh bắt, tình trạng, vị trí hiện tại của tàu mình qua các thiết bị Smartphone, Laptop, Máy tính bảng... có kết nối internet. Hệ thống giám sát còn có chức năng cập nhật các ngư trường tiềm năng, nhiều tài nguyên hải sản để giúp cho cơ quan quản lý, ngư dân tổ chức đánh bắt hiệu quả. Mặc dù tại thời điểm đó, Trung ương chưa có hướng dẫn cụ thể về phương thức và lộ trình thực hiện. Việc triển khai lắp đặt thiết bị giám sát hành trình và vận hành hệ thống giám sát tàu cá thời điểm đó chưa đạt mục tiêu đề ra nhưng cũng đã tạo được tiền đề để hoàn thành việc bắt buộc lắp đặt thiết bị giám sát tàu cá theo lộ trình của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ.

Theo quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 50 Luật Thủy sản năm 2017 về điều kiện để được cấp Giấy phép khai thác thủy sản: có thiết bị giám sát hành trình đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên theo quy định của Chính phủ. Tại điểm e và điểm g, khoản 3, Điều 44 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Thủy sản có quy định: *e) Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên phải lắp trước ngày 01 tháng 7 năm 2019; đối với tàu làm nghề lưới kéo, câu cá ngừ đại dương có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét phải lắp trước ngày 01 tháng 01 năm 2020; tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét phải lắp trước ngày 01 tháng 4 năm 2020; g) Thuyền trưởng phải bảo đảm thiết bị giám sát hành trình tàu cá hoạt động liên tục 24 giờ/24 giờ từ khi tàu cá rời cảng đến khi cập cảng. Trường hợp thiết bị giám sát hành trình tàu cá bị hỏng, thuyền trưởng phải sử dụng các thiết bị thông tin liên lạc khác, báo cáo vị trí tàu cá về trung tâm giám sát tàu cá ở trung ương và 28 tỉnh, thành phố, ven biển 06 giờ/lần và phải đưa tàu về cảng để sửa chữa trong 10 ngày kể từ khi thiết bị giám sát hành trình tàu cá bị hỏng.*

Theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 44 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản quy định việc lắp đặt, bảo dưỡng và duy trì dịch vụ thiết bị giám sát hành trình do chủ tàu chịu trách nhiệm chi trả. Tuy nhiên, trước tình hình kinh tế khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và hiệu quả khai thác thủy sản giảm dần, nên việc mua sắm, lắp đặt thiết bị và đóng phí thuê bao dịch

vụ giám sát hành trình tàu cá làm tăng kinh phí vươn khơi, bám biển của phần lớn ngư dân (chi phí mua sắm thiết bị dao động từ 19.000.000đ đến 28.000.000đ, phí thuê bao giám sát hành trình tàu cá mỗi thiết bị từ 3.000.000đ/năm đến 4.750.000đ/tàu/năm (trung bình khoảng 3.875.000 đồng/tàu/năm), đã cho chúng ta thấy phần nào tạo thêm sức ép đối với chi phí vươn khơi bám biển của phần lớn ngư dân tỉnh nhà.

Hiện nay, nhiều địa phương ven biển trong nước (11 tỉnh, thành phố) đã ban hành và thực hiện chính sách hỗ trợ ngư dân về thiết bị VMS như: Thành phố Đà Nẵng hỗ trợ 100% kinh phí mua thiết bị VMS và kinh phí thuê bao năm đầu tiên tính từ thời điểm kết nối; Hải phòng hỗ trợ 50 kinh phí mua thiết bị VMS và 03 năm cước phí thuê bao hàng tháng (nhưng không quá 3.000.000 đồng/tàu/năm); Bình Định, Nam Định hỗ trợ 50% chi phí mua sắm, lắp đặt thiết bị VMS; tỉnh Hà Tĩnh, Thái Bình hỗ trợ 70% chi phí mua sắm, lắp đặt thiết bị VMS; tỉnh Nghệ An hỗ trợ 50% chi phí mua sắm, lắp đặt thiết bị VMS và 50% phí thuê bao hàng tháng; tỉnh Phú Yên hỗ trợ phí thuê bao 30 tháng; Bến Tre hỗ trợ cước thuê bao 200.000 đồng/tháng/tàu trong 02 năm; Cà Mau hỗ trợ 100% cước thuê bao hàng hàng tháng, trong 05 năm liên tục (2022-2026). Hình thức văn bản là Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Do vậy việc triển khai xây dựng chính sách hỗ trợ cước phí thuê bao dịch vụ giám sát hành trình tàu cá là hết sức cần thiết, thể hiện được sự quan tâm, chia sẻ của Nhà nước trong việc tạo điều kiện phát triển cho ngư dân và tăng cường hiệu quả quản lý tàu cá hoạt động trên biển của các Cơ quan chức năng.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

2.1 Mục tiêu tổng thể

Đảm bảo thực thi tốt các quy định của Luật Thủy sản năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thủy sản; nâng cao hiệu lực hiệu quả công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực thủy sản, hướng đến phát triển kinh tế thủy sản bền vững, góp phần ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Hỗ trợ công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn trên biển và thực hiện xác nhận, chứng nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản.
- Giảm bớt gánh nặng về kinh tế, tạo được sự đồng thuận của ngư dân đối với các chính sách phát triển thủy sản của địa phương và Trung ương.
- Từng bước nâng cao nhận thức của ngư dân về nghề cá hiện đại, có trách nhiệm nhằm giảm thiểu, chấm dứt tình trạng tàu cá tỉnh Kiên Giang khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.
- Giảm số lượng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình bị mất tín hiệu kết nối vệ tinh.

- Nỗ lực cùng với cả nước khắc phục cảnh báo “Thẻ vàng” của EC, giữ uy tín thương hiệu của các mặt hàng thủy sản khai thác của Việt Nam trên trường Quốc tế.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH

1. Xác định vấn đề bất cập

- Thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá, không những đáp ứng theo quy định của Luật Thủy sản 2017 (điểm đ khoản 2 Điều 50) mà còn phục vụ nhu cầu quản lý tàu cá của chủ tàu; hỗ trợ công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; quản lý đội tàu cá của các cơ quan quản lý thủy sản các cấp từ Trung ương đến địa phương.

- Kinh phí lắp đặt, bảo dưỡng và duy trì thiết bị giám sát tàu cá do chủ tàu chịu trách nhiệm chi trả. Vấn đề này đã được Chính phủ quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 44 Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản “Chủ tàu khai báo thông tin lắp đặt thiết bị giám sát hành trình tàu cá...; trả chi phí mua, lắp đặt, bảo dưỡng và dịch vụ khác cho đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình tàu cá...”. Theo đó, ngân sách Nhà nước không phải hỗ trợ về việc mua sắm, lắp đặt, bảo dưỡng cũng như các chi phí dịch vụ khác. Tuy nhiên, trước áp lực về “Thẻ vàng” của Ủy ban Châu Âu và các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ như: Công điện số 732/CD-TTg ngày 28/5/2017 và Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 13/12/2017 nên Ủy ban nhân dân tỉnh đã xem việc bắt buộc tàu cá có chiều dài từ 15 mét trở lên lắp đặt thiết bị giám sát tàu cá là giải pháp quan trọng để kiểm soát, giám sát phương tiện hoạt động trên biển nhằm giảm thiểu, chấm dứt tình trạng tàu cá tình nhà khai thác vi phạm vùng biển nước ngoài. Từ đó, tỉnh Kiên Giang đã tiên phong thực hiện bắt buộc lắp đặt thiết bị giám sát tàu cá đối với các tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên trước khi Luật Thủy sản năm 2017 và Nghị định số 26/2019/NĐ-CP có hiệu lực nên một số chủ tàu cá của tỉnh Kiên Giang đã chịu thiệt thòi trước một thời gian dài do ngoài chi phí mua sắm thiết bị từ 19.000.000 đồng đến 28.000.000 đồng thì chủ tàu phải chi trả cước thuê bao giám sát hành trình tàu cá dao động từ 3.000.000 đồng đến 4.750.000 đồng/năm. Bên cạnh đó, trước tình hình kinh tế khó khăn cùng với sự ảnh hưởng lớn của dịch bệnh COVID-19 đã tạo thêm sức ép đối với kinh phí vươn khơi, bám biển của phần lớn ngư dân tỉnh nhà. Do vậy, việc hỗ trợ cước thuê bao dịch vụ giám sát hành trình tàu cá đối với chủ tàu là rất cần thiết, thể hiện được sự quan tâm, chia sẻ của Nhà nước trong việc tạo điều kiện phát triển cho ngư dân và tăng cường hiệu quả quản lý tàu cá hoạt động trên biển của các cơ quan chức năng.

2. Mục tiêu để giải quyết vấn đề

- Ban hành chính sách hỗ trợ phí thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá nhằm hỗ trợ kịp thời giúp các hộ ngư dân, các chủ tàu cá giảm bớt khó khăn trong sản xuất khai thác thủy sản do tình trạng mất mùa trong thời gian qua và ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 để sớm khôi phục sản xuất, ổn định đời sống.

- Hạn chế được tình trạng tàu cá mất kết nối do không đóng phí; đảm bảo việc trao đổi thông tin giữa chủ tàu với các cơ quan chức năng được thường xuyên, liên tục; giúp các cơ quan quản lý giám sát chặt chẽ tàu cá hoạt động; hỗ trợ tích cực cho công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn trên biển.

- Tăng cường năng lực quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực khai thác thủy sản trên các vùng biển; nâng cao hiệu quả công tác chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định, góp phần hạn chế và đi đến chấm dứt tình trạng tàu cá khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định, đặc biệt là tình trạng tàu cá của tỉnh xâm nhập, khai thác trái phép trên vùng biển nước ngoài, sớm tháo gỡ “Thẻ vàng” của Ủy ban Châu Âu.

3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

Xuất phát từ nhu cầu và khả năng tài chính của mỗi chủ tàu khác nhau nên việc lựa chọn thiết bị cũng không đồng nhất dẫn đến chi phí thuê bao giám sát hành trình tàu cá có sự chênh lệch. Do đó, cần phải đưa ra mức hỗ trợ chung để đảm bảo sự công bằng đối với mọi chủ tàu và phù hợp với khả năng của ngân sách. Dưới đây là các giải pháp do Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất thực hiện chính sách hỗ trợ phí thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang như sau:

3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng, không hỗ trợ ngư dân trong việc sử dụng thiết bị giám sát hành trình tàu cá.

3.2. Giải pháp 2: Hỗ trợ một lần 50% chi phí bảo hành, thay thế thiết bị (nhưng tối đa không quá 10.000.000 đồng/tàu); hỗ trợ 100% chi phí thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá hàng năm theo hợp đồng sử dụng giữa chủ tàu và nhà cung cấp dịch vụ từ 02-03 năm kể từ khi Nghị quyết có hiệu lực.

3.3. Giải pháp 3: Hỗ trợ 100% chi phí thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá hàng năm theo hợp đồng sử dụng giữa chủ tàu và nhà cung cấp dịch vụ. Nhà nước duy trì hỗ trợ liên tục từ 03-05 năm kể từ khi Nghị quyết có hiệu lực.

4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

4.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng, không hỗ trợ ngư dân trong việc sử dụng thiết bị giám sát hành trình tàu cá.

* **Tác động tích cực:** Diễn biến như hiện trạng đã và đang xảy ra hiện nay.

* **Tác động tiêu cực:** Không giải quyết được các vấn đề bất cập đã xác định ở trên, đồng thời có một số tác động tiêu cực như sau:

- **Tác động về kinh tế:** Giải pháp này có tác động về kinh tế đối với các tổ chức, cá nhân sau:

+ Đối với chủ tàu: Chi phí đầu tư cho hoạt động khai thác thủy sản gia tăng do phải mua sắm, bảo dưỡng và duy trì thiết bị giám sát hành trình tàu cá theo quy định. Với chi phí mua sắm ban đầu từ 19.000.000 đồng đến 28.000.000 đồng và

phải chi trả cước thuê bao giám sát hành trình tàu cá dao động từ 3.000.000 đồng đến 4.750.000 đồng/năm. Điều này dẫn đến lợi nhuận kinh tế bị giảm sút.

+ Đối với đơn vị cung cấp thiết bị: Chủ tàu chậm trễ, thậm chí không đóng phí thuê bao dịch vụ giám sát hành trình tàu cá dẫn đến giảm doanh thu, mất uy tín với đơn vị cung cấp dịch vụ vệ tinh. Quan trọng nhất là ảnh hưởng đến kinh phí bảo hành, đổi mới thiết bị bị lỗi và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp.

+ Đối với cơ quan quản lý nhà nước: Chủ tàu không duy trì hoạt động của thiết bị giám sát hành trình tàu cá dẫn đến dữ liệu của hệ thống giám sát tàu cá khai thác không hiệu quả, công tác giám sát tàu cá gặp khó khăn... công tác chống khai thác IUU không hiệu quả, dẫn đến phải tăng cường nguồn nhân lực để thực hiện giám sát, theo dõi, xử lý đối với các trường hợp vi phạm quy định về thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá. Từ đó, ngân sách của tỉnh cũng bị ảnh hưởng.

- *Tác động về xã hội:* chi phí chuyển biến gia tăng trong khi sản lượng khai thác ngày càng suy giảm đã dẫn đến tình trạng tàu cá nằm bờ, ngưng hoạt động trong thời gian dài ngày càng nhiều.

- *Tác động về giới:* không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới.

- *Tác động của thủ tục hành chính:* không làm phát sinh thủ tục hành chính.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* không làm thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành.

4.2. Giải pháp 2: Hỗ trợ một lần 50% chi phí bảo hành, thay thế thiết bị (nhưng tối đa không quá 10.000.000 đồng/tàu); hỗ trợ 100% chi phí thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá hàng năm theo hợp đồng sử dụng giữa chủ tàu và nhà cung cấp dịch vụ từ 02-03 năm kể từ khi Nghị quyết có hiệu lực.

*** Tác động tích cực:**

- *Tác động về kinh tế:* Giải pháp này có tác động về kinh tế đối với các tổ chức, cá nhân sau:

+ Đối với chủ tàu: Giải pháp này mang lại nhiều lợi ích cho chủ tàu do không phải tốn chi phí bảo hành, thay thế thiết bị giám sát tàu cá.

+ Đơn vị cung cấp thiết bị: Có nguồn thu ổn định để duy trì hệ thống; thúc đẩy việc bảo hành, bảo dưỡng, bảo trì thiết bị nhanh chóng đảm bảo phát huy tối ưu hiệu quả của hệ thống giám sát tàu cá.

+ Đối với ngân sách tỉnh: Giải pháp này trung bình sẽ hỗ trợ một lần khoảng 10 triệu đồng/tàu cá, với 3.993 tàu cá vùng khơi thì số tiền hỗ trợ trong năm đầu là 39,993 tỷ đồng; cộng với chi phí thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá mỗi thiết bị trung bình khoảng 3.875.000 đồng/tàu/năm x 3.993 tàu = 15.472.875 đồng/năm. Tổng cộng khoảng trên 55 tỷ đồng, đây là gánh nặng cho ngân sách của tỉnh.

- *Tác động về xã hội:* tạo được sự đồng tình cao của chủ tàu, thể hiện được sự quan tâm sâu sắc của Nhà nước đến hoạt động sản xuất của ngư dân. Tuy

nhiên, ngư dân sẽ có tư tưởng là thiết bị của nhà nước nên lơ là trong việc bảo quản, sử dụng gây hư hỏng và mất mát thiết bị được hỗ trợ. Bên cạnh đó, việc chủ tàu tự bỏ kinh phí ra mua thiết bị và chịu chi phí bảo hành, bảo dưỡng thì sẽ tự bảo quản lý, bảo quản, sử dụng thiết bị tốt hơn.

- *Tác động về giới:* không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới.

- *Tác động của thủ tục hành chính:* không làm phát sinh thủ tục hành chính.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* không làm thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành.

*** Tác động tiêu cực:**

- *Tác động về kinh tế:* Giải pháp này gây gánh nặng cho ngân sách tỉnh là khá lớn.

- *Tác động về xã hội, về giới, hệ thống pháp luật:* Không ảnh hưởng.

- *Tác động về thủ tục hành chính:* Không ảnh hưởng.

4.3. Giải pháp 3: Hỗ trợ 100% chi phí thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá hàng năm theo hợp đồng sử dụng giữa chủ tàu và nhà cung cấp dịch vụ. Nhà nước duy trì hỗ trợ liên tục từ 03-05 năm kể từ khi Nghị quyết có hiệu lực.

*** Tác động tích cực:**

- *Tác động về kinh tế:* Giải pháp này có tác động về kinh tế đối với các tổ chức, cá nhân sau:

+ Đối với chủ tàu: Giải pháp này giúp chủ tàu giảm gánh nặng chi phí sản xuất hàng năm. Đặc biệt, đối với chủ tàu có hoàn cảnh kinh tế khó khăn hoặc có nhiều tàu cá thì giải pháp này mang lại hiệu quả rất lớn đối với kinh tế của gia đình.

+ Đơn vị cung cấp thiết bị sẽ có nguồn thu ổn định để duy trì hệ thống; thúc đẩy việc bảo dưỡng, bảo trì thiết bị nhanh chóng đảm bảo phát huy tối ưu hiệu quả của hệ thống giám sát tàu cá.

+ Đối với Nhà nước: Theo dự kiến phí thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá mỗi thiết bị trung bình khoảng 3.875.000 đồng/tàu/năm x 3.993 tàu = 15.472.875 đồng/năm. Đây là mức dự kiến nhưng thực tế sẽ thấp hơn và khoản này phù hợp với ngân sách tỉnh.

- *Tác động về xã hội:* Việc hỗ trợ phí thuê bao dịch vụ giám sát hành trình tàu cá giúp ngư dân ý thức được sự quan tâm của Nhà nước đến sản xuất trên biển, ý thức được tầm quan trọng của việc duy trì hoạt động thường xuyên của thiết bị đối với sự quản lý của Nhà nước khi tàu cá hoạt động khai thác trên biển. Vì vậy sẽ không tự ý ngưng hoạt động của thiết bị giám sát hành trình.

- *Tác động về giới:* không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới.

- *Tác động của thủ tục hành chính*: không làm phát sinh thủ tục hành chính.
- *Tác động đối với hệ thống pháp luật*: không làm thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành.

*** Tác động tiêu cực:**

- *Tác động về kinh tế*: Để thực hiện chính sách ngân sách tỉnh phải chi hàng năm khoảng hơn 15 tỷ đồng hỗ trợ cho 3.993 tàu cá. Tuy ngân sách tỉnh còn khó khăn, song nhu cầu kinh phí chi hỗ trợ không quá lớn và trong khả năng cân đối của ngân sách tỉnh.
- *Tác động về xã hội, về giới, hệ thống pháp luật*: Không ảnh hưởng.
- *Tác động về thủ tục hành chính*: Không ảnh hưởng.

5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở đánh giá các vấn đề bất cập trong các giải pháp đề ra, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất lựa chọn Giải pháp 3 (hỗ trợ 100% chi phí thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá hàng năm theo hợp đồng sử dụng giữa chủ tàu và nhà cung cấp dịch vụ. Nhà nước duy trì hỗ trợ liên tục từ 03-05 năm kể từ khi Nghị quyết có hiệu lực).

Chính sách này không những giúp chủ tàu giảm chi phí sản xuất mà còn góp phần rất lớn để nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước đối với tàu cá khai thác xa bờ. Đặc biệt, tình trạng thiết bị giám sát lắp trên tàu cá bị mất tín hiệu kết nối sẽ được cải thiện do chủ tàu có ý thức trong việc bảo quản tài sản của mình và hiểu được sự quan tâm, chia sẻ của Nhà nước để giảm bớt gánh nặng kinh tế. Từ đó, việc khắc phục “Thẻ vàng” của EC sẽ đạt được kết quả tối ưu nhất mà không cần phải bổ sung thêm nguồn nhân lực thực hiện nhiệm vụ giám sát, xử lý tàu cá bị mất tín hiệu kết nối vệ tinh trên biển. Bên cạnh những mặt đạt được thì hàng năm ngân sách của tỉnh sẽ tăng thêm một phần gánh nặng từ việc hỗ trợ cước thuê bao dịch vụ giám sát hành trình này. Tuy nhiên, kết quả đạt được hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước và sự đồng tình của ngư dân thì mang lại ý nghĩa quan trọng và to lớn hơn.

III. LẤY Ý KIẾN THAM VẤN

Thực hiện việc lấy ý kiến theo quy định tại Điều 113 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; điểm đ, khoản 53 Điều 01 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 và Điều 10 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách: Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.
2. Cơ quan giám sát, đánh giá chính sách: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trên đây là báo cáo đánh giá tác động của chính sách hỗ trợ kinh phí thuê bao dịch vụ giám sát hành trình tàu cá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận: *U*

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Sở: NN&PTNT, TC, TP, TTTT;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, tvhung.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Số: /BC- UBND

Kiên Giang, ngày tháng 4 năm 2022

DỰ THẢO

BÁO CÁO

**Đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách
hỗ trợ phí thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, Ủy ban nhân dân xây dựng báo cáo đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách hỗ trợ trợ phí thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá (VMS) trên địa bàn tỉnh Kiên Giang như sau:

I. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Các chính sách của Trung ương liên quan đến phát triển thủy sản

1.1. Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng thủy sản và dịch vụ khai thác thủy sản trên các vùng biển xa.

Đối với Kiên Giang, ngư dân hoạt động khai thác hải sản xa bờ chủ yếu là nghề lưới kéo (không thuộc đối tượng thụ hưởng theo Quyết định 48/2010/QĐ-TTg); bên cạnh đó vùng đánh bắt của nghề lưới kéo ở Kiên Giang thường giáp ranh với các nước trong khu vực như Malaysia, Indonesia, Thái Lan và Campuchia nên việc tham gia khai thác hải sản trên các vùng biển xa theo Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ không đáp ứng điều kiện theo quy định để được hưởng lợi từ chính sách. Vì vậy, đến nay chưa có tổ chức hay cá nhân và hộ gia đình nào đến liên hệ lập thủ tục để được hỗ trợ hoạt động khai thác và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa theo quy định.

1.2. Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

Chính sách giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản theo theo các Quyết định số: 63/2010/QĐ-TTg, 65/2011/QĐ-TTg và 68/2013/QĐ-TTg của Chính phủ; trong đó có chính sách hỗ trợ mua các loại máy móc, thiết bị và sử dụng một số công nghệ bảo quản sản phẩm tiên tiến trên tàu cá phục vụ cho đánh bắt xa bờ bao gồm: Các loại máy, thiết bị dò cá, thu, thả lưới câu, thông tin liên lạc, hầm (buồng) cấp đông, thùng (hầm) bảo quản sản phẩm có gắn thiết bị lạnh, sản xuất nước đá, lọc nước biển làm nước ngọt sử dụng trên tàu cá, tàu dịch vụ hậu cần phục vụ đánh bắt xa bờ. Tuy nhiên, do chính sách chỉ hỗ trợ lãi suất với thời gian ngắn; điều kiện hỗ trợ chưa sát với thực tế, giá trị

hưởng lợi từ chính sách không cao nên chưa thu hút được sự quan tâm của người dân. Đến nay, có 07 hộ vay số tiền trên 05 tỷ đồng.

1.3. Kết quả triển khai thực hiện các chính sách theo quy định tại Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản đến ngày 30/4/2019.

a) Chính sách đầu tư:

- Triển khai Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm nghề cá lớn tại tỉnh Kiên Giang gắn với ngư trường Tây Nam Bộ (Đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận tại Công văn số 537/TTg-KTN ngày 16/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ). Đã lập quy hoạch tỷ lệ 1/2000 và 1/500, đang thực hiện các công việc tiếp theo để sớm được bố trí kinh phí triển khai thực hiện dự án.

+ Tên dự án đầu tư: Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm nghề cá lớn tỉnh Kiên Giang gắn với ngư trường Tây Nam Bộ.

+ Tổng mức đầu tư: 95.166 triệu đồng.

+ Kinh phí đã bố trí: 16.400 triệu đồng, trong đó: Ngân sách tỉnh cấp tạm ứng: 1.900 triệu đồng; Ngân sách Trung ương cấp bổ sung có mục tiêu: 14.500 triệu đồng; Kinh phí đã giải ngân: 8.204 triệu đồng.

- Ngoài ra, tỉnh đã triển khai nâng cấp cảng cá Tắc Cậu; mở rộng cảng cá An Thới; xây dựng khu neo đậu tránh trú bão Gành Dầu, Hòn Tre với tổng mức đầu tư là 580.051 triệu đồng.

b) Chính sách tín dụng:

- Tổng số tàu cá đủ điều kiện tiếp cận chính sách tín dụng đóng mới, nâng cấp tàu cá đã được UBND tỉnh phê duyệt là 82 tàu (Gồm: đóng mới 50 tàu khai thác hải sản, 19 tàu dịch vụ hậu cần và nâng cấp 13 tàu). Trong đó, đã loại khỏi danh sách phê duyệt 23 tàu (đóng mới 12 tàu khai thác, 5 tàu dịch vụ và 6 tàu nâng cấp do không triển khai dự án). Số tàu còn lại được UBND tỉnh phê duyệt triển khai thực hiện đầu tư để đóng mới và nâng cấp tàu cá là 59 tàu (38 tàu khai thác hải sản, 14 tàu dịch vụ hậu cần (DVHC) và 7 tàu nâng cấp). Đến nay, số tàu cá đóng mới, nâng cấp đã đi vào hoạt động: 48 tàu (44 tàu đóng mới, 04 tàu nâng cấp).

- Tính đến ngày 31/3/2020, các ngân hàng thương mại trên địa bàn đã thực hiện cho vay đóng mới và nâng cấp tàu cá là 48 tàu (đóng mới 44 tàu: 30 tàu khai thác hải sản và 14 tàu DVHC; nâng cấp 4 tàu); tổng số tiền cam kết cho vay đạt 332,78 tỷ đồng; số tiền đã giải ngân đạt 329,96 tỷ đồng (đạt tỷ lệ 99,15% tổng số tiền cam kết cho vay); đã thu nợ lũy kế số tiền 84,05 tỷ đồng; dư nợ cho vay còn lại 245,92 tỷ đồng; trong đó, nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ 18,63 tỷ đồng (5 tàu); nợ xấu 23,99 tỷ đồng (5 tàu, chiếm tỷ lệ 9,76% dư nợ cho vay); có 02 tàu đã tắt toán khoản vay (01 DVHC và 01 Nghề câu).

- Như vậy, đến hết quý I/2020, tổng số còn lại là 46 tàu (42 tàu đóng mới, 04 tàu nâng cấp), qua rà soát, đánh giá hiệu quả khai thác của các ngân hàng, có thể phân loại cụ thể như sau:

- + Có 27 tàu hoạt động ổn định, có hiệu quả, đảm bảo nguồn thu và có lãi;
- + Có 03 hoạt động hòa vốn, cầm chừng;
- + Và 16 tàu hoạt động kém hiệu quả, thua lỗ.

c) Chính sách bảo hiểm:

- Tại Kiên Giang, triển khai chính sách bảo hiểm tàu cá theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP là Công ty Bảo Việt. Để chuẩn bị cho việc triển khai bảo hiểm khai thác hải sản, Công ty Bảo Việt đã phối hợp với Tổng Công ty mở lớp tập huấn nghiệp vụ cho các trưởng phó phòng, cán bộ và tư vấn viên nhằm nắm rõ về chính sách bảo hiểm theo nghị định, các thông tư hướng dẫn, quy tắc, điều khoản, biểu phí, quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của chủ tàu liên quan đến chủ trương, chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Ngoài ra, Tổng Công ty đã hỗ trợ Công ty Bảo Việt xây dựng hệ thống thông tin để thống kê, cập nhật, quản lý việc triển khai bảo hiểm tàu cá theo Nghị định.

- Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Công ty Bảo Việt đã phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, các cơ quan ban ngành có liên quan, Hội nghề cá thành phố Rạch Giá để hướng dẫn và đôn đốc các chủ tàu tiến hành thành lập tổ hợp tác, tổ ngư dân đoàn kết sản xuất trên biển và bổ sung hồ sơ đúng qui trình qui định để chính quyền địa phương xác nhận đối tượng được hỗ trợ. Sau 5 năm thực hiện, Công ty Bảo Việt đã ký hợp đồng bảo hiểm thân tàu, trang thiết bị, ngư lưới cụ, rủi ro đặc biệt và bảo hiểm thuyền viên cho các chủ tàu cụ thể như sau:

Số tàu được bảo hiểm: 3.640 lượt tàu, số thuyền viên được bảo hiểm: 28.889 lượt thuyền viên với tổng phí gần 160 tỷ đồng. Trong đó, Ngân sách hỗ trợ gần 138 tỷ đồng. Đã chi bồi thường 765 vụ với số tiền bồi thường gần 35 tỷ.

d) Chính sách hỗ trợ chi phí vận chuyển:

Ủy ban nhân dân tỉnh đã Quyết định phê duyệt danh sách của 21 tàu hành nghề dịch vụ hậu cần nghề cá để hỗ trợ chi phí vận chuyển hàng hóa. Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp các Sở, ngành liên quan để thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí vận chuyển cho tàu dịch vụ của ngư dân. Tuy nhiên, qua thẩm tra hồ sơ của 21 tàu mà các chủ tàu đã lập thì không có tàu nào đảm bảo các điều kiện theo quy định để được hỗ trợ. (Số lượng hàng hải sản giữa tàu khai thác và tàu vận chuyển kê khai trong hồ sơ không khớp đúng với nhau, giá bán các loại lương thực, thực phẩm...cho các tàu KTHS trên biển cao hơn gấp nhiều lần so với Quyết định của UBND tỉnh; hầu hết các tàu dịch vụ đã kê khai đề nghị hỗ trợ chủ yếu là tàu kinh doanh mua đi bán lại, tàu vận chuyển ăn theo chuyển...).

đ) Chính sách hỗ trợ đào tạo; hỗ trợ duy tu, sửa chữa định kỳ:

Tỉnh Kiên Giang chưa thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo hướng dẫn thuyền trưởng, máy trưởng, thuyền viên vận hành tàu cá vỏ thép, vỏ vật liệu mới; hướng dẫn kỹ thuật khai thác, bảo quản sản phẩm theo công nghệ mới và

chính sách hỗ trợ duy tu, sửa chữa định kỳ do ngư dân, chủ tàu chưa có nhu cầu hay đề nghị.

1.4. Quyết định số 47/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về thí điểm cơ chế hỗ trợ một lần sau đầu tư theo quy định tại Nghị định số 89/2015/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản và Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 về nội dung chính sách phát triển thủy sản

Trên cơ sở các quy định tại Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ và Công văn số 2689/BNN-TCTS ngày 10/4/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về triển khai thực hiện chính sách tại Nghị định số 17/2018/NĐ-CP. UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 1117/UBND-KTCN ngày 22/8/2018 về việc hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện các chính sách theo quy định tại Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ và công văn của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Tuy nhiên, đến thời điểm này, trên địa bàn tỉnh Kiên Giang chưa có trường hợp chủ tàu đề xuất hỗ trợ một lần sau đầu tư.

2. Chính sách của tỉnh Kiên Giang liên quan đến phát triển khai thác thủy sản

Cho đến nay tỉnh Kiên Giang chưa ban hành chính sách riêng, hầu hết triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

II. ĐÁNH GIÁ NHỮNG MẶT ĐƯỢC VÀ TỒN TẠI, HẠN CHẾ TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN THỦY SẢN

1. Mặt được

Trong thời gian qua, các chính sách hỗ trợ đồng bộ của Trung ương đã tác động tích cực đến hoạt động khai thác thủy sản và đời sống kinh tế của ngư dân tỉnh Kiên Giang, đến nay cơ cấu tàu thuyền và nghề khai thác tại tỉnh đã có sự chuyển biến tích cực theo hướng giảm số lượng tàu công suất dưới 90CV khai thác ở vùng biển ven bờ và vùng lộng, tăng mạnh số lượng tàu từ 90CV trở lên khai thác ở vùng khơi), đồng thời giảm mạnh các nghề cầm khai thác và hủy diệt nguồn lợi thủy sản (lưới kéo đôi, kéo đơn), tăng các nghề khai thác vùng khơi có hiệu quả kinh tế và thân thiện với môi trường phù hợp với định hướng phát triển thủy sản của Chính phủ và của tỉnh.

2. Tồn tại, hạn chế

- Trên địa bàn Kiên Giang, hiện nay có gần 45% trên tổng số tàu cá đóng mới, nâng cấp theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ chủ yếu hoạt động cầm chừng, hòa vốn thậm chí lỗ vốn do nhiều lý do khác nhau.

- Ngoài các nghề ưu tiên phát triển đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định thì một số ngư dân muốn chuyển đổi nghề để làm ăn có hiệu quả hơn, nhưng hiện nay chưa có quy định hay hướng dẫn của Trung ương để thực hiện.

- Hiện nay, hoạt động khai thác hải sản gặp nhiều khó khăn, sản lượng khai thác sụt giảm, ngư trường đánh bắt hạn hẹp...; từ đó ảnh hưởng đến nguồn thu nhập chính để trả nợ của các chủ tàu (trong đó có cả chủ tàu vay vốn đóng mới, nâng cấp tàu theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP). Tuy nhiên, theo quy định tại Thông tư số 123/2018/TT-BTC ngày 17/12/2018 của Bộ Tài chính, các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ do nguyên nhân này không thuộc nhóm nguyên nhân khách quan, bất khả kháng để được hưởng cơ chế xử lý rủi ro theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP (được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và hỗ trợ lãi suất trong thời gian cơ cấu lại thời hạn trả nợ).

- Đối với các chủ tàu vay vốn đóng mới tàu cá theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP, tài sản thế chấp chính là con tàu hình thành từ vốn vay. Tuy nhiên, theo khoản 2, Điều 17 Công văn số 18759/BTC-QLBH quy định “Giá trị bảo hiểm thân tàu được tính căn cứ vào giá trị thị trường của thân tàu tại thời điểm tham gia bảo hiểm do chủ tàu tự khai báo và được doanh nghiệp bảo hiểm chấp thuận”. Trong giai đoạn hiện tại giá trị thị trường của tàu đánh bắt giảm thấp hơn nhiều so với giá trị còn lại (giá trị sổ sách). Vì vậy, nếu tàu đánh bắt thủy sản gặp rủi ro bất khả kháng, ngoài số tiền Công ty bảo hiểm bồi thường, chủ tàu vẫn phải tiếp tục chịu trách nhiệm thanh toán số tiền còn lại cho đến khi hết nợ vay.

- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ chính sách Bảo hiểm quá nhiều và xét duyệt theo từng năm mà không áp dụng tái thủ tục bảo hiểm nên gây phiền hà cho chủ tàu; chủ tàu phải đóng đầy đủ phí bảo hiểm không được nhà nước hỗ trợ trước khi doanh nghiệp bảo hiểm cấp giấy chứng nhận bảo hiểm nên gây khó khăn cho các chủ tàu vì phải đóng phí một lần; giá trị bảo hiểm thỏa thuận theo căn cứ vào giá trị thị trường của thân tàu tại thời điểm tham gia bảo hiểm nên một số chủ tàu không đồng ý do liên quan đến việc thế chấp ngân hàng; Thời gian hiệu lực của tổ đội chỉ hai năm nên phải thành lập lại cũng gây khó khăn đối với chủ tàu.

III. SỰ CẦN THIẾT VÀ DỰ KIẾN HIỆU QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÍ THUÊ BAO DỊCH VỤ TINH VỤ GIÁM SÁT HÀNH TRÌNH TÀU CÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Sự cần thiết

Theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 44 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản quy định việc lắp đặt, bảo dưỡng và duy trì dịch vụ thiết bị giám sát hành trình do chủ tàu chịu trách nhiệm chi trả. Từ khi Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 có hiệu lực, tỉnh Kiên Giang đã chỉ đạo triển khai lắp đặt thiết bị giám sát hành trình tàu cá có chiều dài từ 15m trở lên đến nay có 3.669 tàu lắp đặt, chiếm 92,6 % (còn 295 tàu chưa lắp, chiếm 7% là các tàu nằm bờ, tạm ngưng hoạt động; tàu bị nước ngoài bắt; tàu chuyển sang tỉnh

ngoài đăng ký...), mỗi thiết bị giám sát hành trình có chi phí dao động từ 19.000.000đ đến 28.000.000đ, cước thuê bao giám sát hành trình tàu cá mỗi thiết bị từ 3.000.000đ/năm đến 4.750.000đ/năm, đã cho chúng ta thấy phần nào tạo thêm sức ép đối với chi phí vượt khơi bám biển của phần lớn ngư dân tỉnh nhà.

Trước tình hình kinh tế khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và hiệu quả khai thác thủy sản giảm dần, nên việc mua sắm, lắp đặt thiết bị và đóng phí thuê bao dịch vụ giám sát hành trình tàu cá làm tăng kinh phí vượt khơi, bám biển của phần lớn ngư dân.

Hiện nay, nhiều địa phương ven biển trong nước (11 tỉnh, thành phố) đã ban hành và thực hiện chính sách hỗ trợ ngư dân về thiết bị VMS như: Thành phố Đà Nẵng hỗ trợ 100% kinh phí mua thiết bị VMS và kinh phí thuê bao năm đầu tiên tính từ thời điểm kết nối; Hải phòng hỗ trợ 50 kinh phí mua thiết bị VMS và 03 năm cước phí thuê bao hàng tháng (nhưng không quá 3.000.000 đồng/tàu/năm); Bình Định, Nam Định hỗ trợ 50% chi phí mua sắm, lắp đặt thiết bị VMS; tỉnh Hà Tĩnh, Thái Bình hỗ trợ 70% chi phí mua sắm, lắp đặt thiết bị VMS; tỉnh Nghệ An hỗ trợ 50% chi phí mua sắm, lắp đặt thiết bị VMS và 50% phí thuê bao hàng tháng; tỉnh Phú Yên hỗ trợ phí thuê bao 30 tháng; Bến Tre hỗ trợ cước thuê bao 200.000 đồng/tháng/tàu trong 02 năm; Cà Mau hỗ trợ 100% cước thuê bao hàng hàng tháng, trong 05 năm liên tục (2022-2026). Hình thức văn bản là Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Do vậy việc triển khai xây dựng chính sách hỗ trợ cước phí thuê bao dịch vụ giám sát hành trình tàu cá là hết sức cần thiết, thể hiện được sự quan tâm, chia sẻ của Nhà nước trong việc tạo điều kiện phát triển cho ngư dân và tăng cường hiệu quả quản lý tàu cá hoạt động trên biển của các Cơ quan chức năng.

2. Dự kiến hiệu quả thực hiện chính sách

- Đảm bảo các điều kiện để thiết bị của ngư dân hoạt động trên biển, tạo điều kiện cho cơ quan quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương quản lý được hoạt động của tàu cá khai thác thủy sản; kiểm soát giảm thiểu tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài; liên lạc 24/24 giờ giữa tàu cá và cơ quan quản lý nhà nước nhằm phục vụ công tác PCTT và TKCN.

- Tiếp nhận thông tin về ngư trường, ngư loại, vị trí, tình hình trên biển,... phục vụ việc xây dựng cơ sở dữ liệu nghề cá (VNFishbase); xác nhận, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác.

- Quy định chính sách này không trùng, không mâu thuẫn với các chính sách liên quan đang thực hiện. Do đó nếu được ban hành sẽ khuyến khích ngư dân vượt khơi bám biển, tạo điều kiện thuận lợi trong công tác thực thi pháp luật và góp phần thúc đẩy phát triển bền vững ngành thủy sản.

- Giảm bớt gánh nặng về kinh tế, tạo được sự đồng thuận của ngư dân đối với các chính sách phát triển thủy sản của địa phương và Trung ương.

- Từng bước nâng cao nhận thức của ngư dân về nghề cá hiện đại, có trách nhiệm nhằm hạn chế, chấm dứt tình trạng tàu cá tỉnh Cà Mau khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.

Trên đây là báo cáo đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách hỗ trợ phí thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét./. *ll*

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Sở: NN&PTNT, TC, TP, TTTT;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, tvhung.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**